



DTD 189A



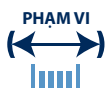
Đặc điểm chính

Chịu ăn mòn

QUAN TRỌNG

Chúng tôi sẽ sản xuất theo thuộc tính cơ học quý khách yêu cầu

Lợi thế chính cho khách hàng của chúng tôi



PHẠM VI
0,025mm đến 21mm
(0,001" đến 0,827")



Số lượng đặt hàng
từ 3m đến 3t
(10 ft đến 6000 Lbs)



Giao hàng trong
vòng 3 tuần



Thép theo thông
số kỹ thuật của quý
khách



Có dịch vụ E.M.S



Hỗ trợ kỹ thuật

DTD 189A có sẵn:

- Thép tròn
- Thép thanh hoặc thép dài
- Thép dẹt
- Thép hình
- Dây/bó thép

Bao bì đóng gói

- Thép cuộn
- Ống cuộn
- Thép thanh
hoặc thép dài



Thành phần hóa học			Thông số kỹ thuật	Ký hiệu	Đặc điểm chính	Ứng dụng điển hình
Thành phần	% tối thiểu	% tối đa	DTD 189A	AWS 164	Chịu ăn mòn.	Thép khóa máy bay Thép khóa nối chung
C	–	0.15				
Si	0.20	–				
Mn	–	2.00				
Ni	7.00	10.00				
Cr	17.00	20.00				
Ni + Cr	25.00	–				
Ti or Nb/Cb	4 x C	–				
S	–	0.045				
P	–	0.045				

Khối lượng riêng	8.0 g/cm ³	0.289 lb/in ³
Điểm nóng chảy	1398°C	2550°F
Hệ số giãn nở	17.5 µm/m °C (20 – 100°C)	9.7 x 10 ⁻⁶ in/in °F (70 – 212°F)
Mô-đun độ cứng	70.3 kN/mm ²	10196 ksi
Mô đun đàn hồi	187.5 kN/mm ²	27195 ksi

Thuộc tính				
Điều kiện	Độ bền kéo tương đối		Nhiệt độ vận hành tương đối	
	N/mm ²	ksi	°C	°F
Ủ	600 – 800	87 – 116	-200 đến +300	-330 đến +570

Phạm vi độ bền kéo trên là giá trị điển hình. Hãy yêu cầu nếu có nhu cầu khác.